

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

Phần I: Trắc nghiệm có 4 phương án lựa chọn 60% (6 điểm)

Phần II: Trắc nghiệm đúng sai 40% (4 điểm)

B. THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

C. NỘI DUNG ÔN TẬP:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML) được sử dụng chủ yếu để làm gì?

- A. Tạo bảng tính
- B. Tạo trang web
- C. Lập trình ứng dụng
- D. Xử lý dữ liệu

Đáp án: B

Giải thích: HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ chuyên dụng để tạo trang web.

Câu 2: Trong HTML, dấu “/” trong thẻ có ý nghĩa gì?

- A. Đánh dấu phần tử bị lỗi
- B. Kết thúc thẻ
- C. Bắt đầu thẻ
- D. Chỉ thị kiểu chữ

Đáp án: B

Giải thích: Dấu “/” được sử dụng để đánh dấu kết thúc của một thẻ trong HTML.

Câu 3: Tên thẻ HTML có phân biệt chữ hoa và chữ thường không?

- A. Có phân biệt
- B. Không phân biệt
- C. Chỉ phân biệt trong các trình duyệt khác nhau
- D. Phân biệt trong các phiên bản khác nhau

Đáp án: B

Giải thích: Tên thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường, mặc dù thường được viết chữ thường.

Câu 4: Phần tử nào được sử dụng để xác định phần đầu của một tài liệu HTML?

- A. <body>
- B. <footer>
- C. <head>
- D. <header>

Đáp án: C

Giải thích: Phần đầu của tài liệu HTML được xác định bởi phần tử <head> và </head>.

Câu 5: Thẻ nào trong phần đầu của tài liệu HTML dùng để khai báo tiêu đề của trang web?

- A. <title>
- B. <header>

C. <footer>

D. <meta>

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ <title> được sử dụng để khai báo tiêu đề của trang web.

Câu 6: Phần nào của tài liệu HTML chứa nội dung sẽ hiển thị trên màn hình của trình duyệt web?

A. Phần đầu

B. Phần chân

C. Phần thân

D. Phần meta

Đáp án: C

Giải thích: Phần thân của tài liệu HTML, được xác định bởi <body> và </body>, chứa nội dung hiển thị trên màn hình.

Câu 7: Dòng đầu tiên của văn bản HTML thường là gì?

A. Tiêu đề của trang web

B. Doctype

C. Nội dung của trang web

D. Siêu dữ liệu

Đáp án: B

Giải thích: Dòng đầu tiên của văn bản HTML là chỉ dẫn doctype cho biết phiên bản HTML được sử dụng.

Câu 8: Khi cài đặt Sublime Text, bạn cần làm gì sau khi tải về tệp tin cài đặt?

A. Chạy chương trình từ trang web

B. Nhấp đúp vào tệp tin cài đặt

C. Giải nén tệp tin cài đặt

D. Mở tệp tin bằng trình soạn thảo văn bản

Đáp án: B

Giải thích: Sau khi tải về tệp tin cài đặt Sublime Text, bạn cần nhấp đúp vào tệp tin để bắt đầu quá trình cài đặt.

Câu 9: Khi soạn thảo văn bản HTML trong Sublime Text, bạn nên lưu tệp với định dạng nào?

A. .txt

B. .html

C. .docx

D. .xml

Đáp án: B

Giải thích: Văn bản HTML nên được lưu với định dạng file .html để trình duyệt web có thể xử lý đúng cách.

Câu 10: Để xem kết quả của tệp HTML, bạn cần làm gì sau khi lưu tệp?

A. Mở tệp bằng trình soạn thảo văn bản

B. Mở tệp bằng trình duyệt web

C. Chạy tệp trên máy chủ

D. Gửi tệp qua email

Đáp án: B

Giải thích: Để xem kết quả của tệp HTML, bạn cần mở tệp bằng trình duyệt web.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML) có các đặc điểm sau đúng hay sai?

- a) Thẻ HTML thường không có thẻ kết thúc.
 - b) Tên thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường.
 - c) Phần đầu của một tệp HTML được xác định bởi thẻ `<head>` và `</head>`.
 - d) Thẻ `<body>` chứa các siêu dữ liệu và tiêu đề của trang web.
- a) Sai. Phần lớn các thẻ HTML đều là thẻ đôi, tức là có cả thẻ bắt đầu và thẻ kết thúc.
- b) Đúng. Tên thẻ HTML không phân biệt chữ hoa và chữ thường; mặc định, tên thẻ được viết chữ thường.
- c) Đúng. Phần đầu của tệp HTML được xác định bởi thẻ `<head>` và `</head>`, chứa các thông tin về siêu dữ liệu và tiêu đề.
- d) Sai. Thẻ `<body>` chứa nội dung chính hiển thị trên màn hình của trình duyệt, còn các siêu dữ liệu và tiêu đề nằm trong phần `<head>`.

Câu 2: Phát biểu sau đúng hay sai về cấu trúc cơ bản của một tệp HTML ?

- a) Phần đầu của tài liệu HTML thường bao gồm các thẻ `<header>` và `</header>`.
 - b) Tệp HTML cần phải bắt đầu với chỉ dẫn doctype để chỉ định phiên bản HTML.
 - c) Nội dung của trang web được hiển thị trong phần `<head>` của tệp HTML.
 - d) Để tạo một tệp HTML, có thể sử dụng bất kỳ trình soạn thảo văn bản nào, không nhất thiết phải là Sublime Text.
- a) Sai. Phần đầu của tài liệu HTML được xác định bởi thẻ `<head>` và `</head>`, không phải thẻ `<header>`.
- b) Đúng. Dòng đầu tiên của tệp HTML thường là chỉ dẫn doctype để chỉ định phiên bản HTML được sử dụng.
- c) Sai. Nội dung hiển thị trên màn hình trình duyệt được chứa trong phần `<body>`, không phải phần `<head>`.
- d) Đúng. Có thể sử dụng nhiều loại trình soạn thảo văn bản khác nhau để tạo tệp HTML, Sublime Text là một trong số đó nhưng không phải là yêu cầu bắt buộc.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: HTML là gì và tại sao nó quan trọng trong việc tạo trang web?

Đáp án: HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản dùng để tạo cấu trúc và nội dung cho trang web.

Giải thích: HTML cung cấp cấu trúc cơ bản cho trang web, xác định cách các phần tử như tiêu đề, đoạn văn, liên kết, và hình ảnh được tổ chức và hiển thị trên trình duyệt web. Đây là ngôn ngữ cơ bản mà mọi trang web đều dựa vào.

Câu 2: Các thẻ HTML thường bao gồm những gì và tên thẻ có phân biệt chữ hoa chữ thường không?

Đáp án: Các thẻ HTML thường bao gồm thẻ bắt đầu và thẻ kết thúc; tên thẻ không phân biệt chữ hoa chữ thường.

Giải thích: Thẻ HTML thường có dạng <tag> (thẻ bắt đầu) và </tag> (thẻ kết thúc), với thẻ kết thúc có dấu / để chỉ ra kết thúc của thẻ. Tên thẻ không phân biệt chữ hoa chữ thường, nhưng theo mặc định, tên thẻ được viết chữ thường.

Câu 3: Phần đầu và phần thân của một tệp HTML được xác định bởi những thẻ nào?

Đáp án: Phần đầu được xác định bởi thẻ <head> và </head>, còn phần thân được xác định bởi thẻ <body> và </body>.

Giải thích: Phần đầu (<head>) chứa thông tin như tiêu đề và siêu dữ liệu, trong khi phần thân (<body>) chứa nội dung chính của trang web mà người dùng sẽ thấy và tương tác với trên trình duyệt.

Bài 2: Định dạng văn bản và tạo siêu liên kết

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Thẻ nào được sử dụng để tạo các đoạn văn bản trên trang web trong HTML?

- A. <h1>
- B. <a>
- C. <p>
- D. <div>

Đáp án: C

Giải thích: Thẻ <p> được sử dụng để tạo các đoạn văn bản trong HTML, giúp phân đoạn văn bản và làm cho nội dung dễ đọc hơn.

Câu 2: HTML hỗ trợ bao nhiêu cấp tiêu đề mục từ lớn đến nhỏ?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Đáp án: D

Giải thích: HTML hỗ trợ sáu cấp tiêu đề mục từ <h1> đến <h6>, với <h1> là tiêu đề lớn nhất và <h6> là tiêu đề nhỏ nhất.

Câu 3: Phần tử nào trong HTML được sử dụng để in đậm văn bản?

- A.
- B.
- C. <mark>
- D.

Đáp án: D

Giải thích: Thẻ được sử dụng để in đậm văn bản. Thẻ cũng làm đậm văn bản nhưng còn có ý nghĩa ngữ nghĩa là văn bản quan trọng.

Câu 4: Phần tử <a> trong HTML được sử dụng để làm gì?

- A. Tạo các đoạn văn bản
- B. Tạo các tiêu đề
- C. Tạo các siêu liên kết

D. Tạo các bảng

Đáp án: C

Giải thích: Phần tử <a> được sử dụng để tạo các siêu liên kết, cho phép kết nối đến các tài nguyên web khác.

Câu 5: Thuộc tính nào trong thẻ <a> xác định địa chỉ của tài nguyên web?

A. id

B. src

C. href

D. class

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính href trong thẻ <a> xác định địa chỉ URL của tài nguyên mà liên kết sẽ trở đến.

Câu 6: Để tạo siêu liên kết đến một phần tử trong cùng trang web, bạn sử dụng cú pháp nào?

A.

B.

C.

D.

Đáp án: B

Giải thích: Để liên kết đến một phần tử trong cùng trang web, bạn sử dụng cú pháp #Tên_định_danh trong thuộc tính href.

Câu 7: Phần tử nào được sử dụng để làm nổi bật văn bản bằng cách thay đổi định dạng?

A.

B. <i>

C. <mark>

D. <p>

Đáp án: C

Giải thích: Thẻ <mark> được sử dụng để làm nổi bật văn bản, thường là bằng cách tô màu nền

Câu 8: Nếu bạn chỉ cung cấp tên miền trong URL mà không có giao thức, trình duyệt sẽ làm gì?

A. Mở trang chủ của tên miền đó

B. Hiện thị lỗi

C. Tìm kiếm trên Internet

D. Chuyển hướng đến trang mặc định

Đáp án: A

Giải thích: Nếu URL chỉ cung cấp tên miền mà không có giao thức (như http:// hoặc https://), trình duyệt sẽ mặc định mở trang chủ của tên miền đó.

Câu 9: Phần tử nào trong HTML được sử dụng để in nghiêng văn bản?

A.

B. <i>

C. <u>

D.

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ <i> được sử dụng để in nghiêng văn bản, thường dùng để làm nổi bật hoặc thể hiện các phần văn bản đặc biệt.

Câu 10: Các phần tử tiêu đề mục trong HTML được hiển thị với kiểu chữ và kích thước như thế nào?

- A. Tất cả đều có cùng kích thước và kiểu chữ
- B. Kích thước chữ giảm dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in đậm
- C. Kích thước chữ tăng dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in nghiêng
- D. Kích thước chữ không thay đổi và kiểu chữ khác nhau tùy thuộc vào trình duyệt

Đáp án: B

Giải thích: Các phần tử tiêu đề mục trong HTML từ <h1> đến <h6> có kích thước chữ giảm dần và được trình bày với kiểu chữ in đậm mặc định.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Xác định câu đúng/sai về việc sử dụng thẻ <p> trong HTML để phân đoạn văn bản:

- a) Thẻ <p> được sử dụng để tạo các đoạn văn bản, và mỗi đoạn văn bản được phân tách bằng một khoảng trống giữa các đoạn.
- b) Thẻ <p> không thể chứa các phần tử HTML khác mà chỉ dùng để tạo các đoạn văn bản đơn thuần.
- c) Trên màn hình trình duyệt, nội dung trong thẻ <p> sẽ được hiển thị trong một đoạn mới với khoảng trống giữa các đoạn văn bản.
- d) Thẻ <p> giúp tổ chức nội dung văn bản trên trang web nhưng không ảnh hưởng đến cách hiển thị trên trình duyệt.

a) Đúng: Thẻ <p> được sử dụng để tạo các đoạn văn bản và nội dung sẽ được phân tách bằng một khoảng trống giữa các đoạn.

b) Sai: Thẻ <p> có thể chứa các phần tử HTML khác để định dạng và cấu trúc nội dung.

c) Đúng: Nội dung trong thẻ <p> được hiển thị trên một đoạn mới với khoảng trống giữa các đoạn văn bản trên trình duyệt.

d) Sai: Thẻ <p> giúp tổ chức nội dung văn bản và ảnh hưởng đến cách hiển thị trên trình duyệt bằng cách thêm khoảng trống giữa các đoạn.

Câu 2: Xác định câu đúng/sai về việc sử dụng thẻ <a> để tạo siêu liên kết trong HTML:

a) Thẻ <a> dùng để tạo siêu liên kết với thuộc tính href để xác định địa chỉ của tài nguyên web.

b) Nếu URL trong thuộc tính href không có giao thức (http:// hoặc https://), trình duyệt sẽ không mở trang web mà hiển thị lỗi.

c) Thẻ <a> có thể tạo liên kết đến phần tử trong cùng một trang bằng cách sử dụng cú pháp #Tên_định_danh trong thuộc tính href.

d) Thẻ <a> không hỗ trợ liên kết đến các tài nguyên như hình ảnh hoặc âm thanh, chỉ có thể liên kết đến các trang web.

a) Đúng: Thẻ <a> được sử dụng để tạo siêu liên kết và thuộc tính href xác định địa chỉ của tài nguyên web.

b) Sai: Nếu URL chỉ cung cấp tên miền mà không có giao thức, trình duyệt sẽ mở trang chủ của tên miền đó, không phải hiển thị lỗi.

c) Đúng: Để liên kết đến phần tử trong cùng một trang web, bạn sử dụng cú pháp #Tên_định_danh trong thuộc tính href.

d) Sai: Thẻ <a> có thể liên kết đến nhiều loại tài nguyên khác nhau như hình ảnh, âm thanh, video, và không chỉ giới hạn ở các trang web.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Mục đích của thẻ <p> trong HTML là gì?

Đáp án: Thẻ <p> được sử dụng để tạo các đoạn văn bản trên trang web, giúp tổ chức nội dung thành các đoạn rõ ràng và dễ đọc.

Giải thích: Thẻ <p> tạo ra các đoạn văn bản trên trang web, mỗi đoạn được phân tách bằng một khoảng trống, giúp nội dung dễ hiểu và dễ đọc hơn cho người dùng.

Câu 2: Các thẻ tiêu đề trong HTML được phân cấp từ lớn đến nhỏ như thế nào?

Đáp án: Các thẻ tiêu đề trong HTML được phân cấp từ lớn đến nhỏ bằng các thẻ <h1> đến <h6>, trong đó <h1> là lớn nhất và <h6> là nhỏ nhất.

Giải thích: HTML hỗ trợ sáu cấp tiêu đề mục từ <h1> (lớn nhất) đến <h6> (nhỏ nhất), giúp tổ chức nội dung theo mức độ quan trọng và cung cấp các lựa chọn khác nhau về kích thước chữ.

Câu 3: Thẻ <a> trong HTML được sử dụng để làm gì và thuộc tính nào xác định địa chỉ của tài nguyên?

Đáp án: Thẻ <a> được sử dụng để tạo các siêu liên kết trong trang web, và thuộc tính href xác định địa chỉ của tài nguyên trên Internet.

Giải thích: Thẻ <a> cho phép tạo siêu liên kết đến các tài nguyên như trang web, hình ảnh, âm thanh, vv. Thuộc tính href chứa URL (Uniform Resource Locator), xác định địa chỉ của tài nguyên liên kết.

Bài 3: Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Khi tạo tệp HTML trong Sublime Text, bạn nên lưu tệp với phần mở rộng nào để trình duyệt có thể nhận diện đúng định dạng?

- A. .txt
- B. .html
- C. .htm
- D. .css

Đáp án: B

Giải thích: Tệp HTML cần phải có phần mở rộng .html hoặc .htm để trình duyệt web có thể nhận diện và hiển thị nội dung đúng cách. .txt là định dạng tệp văn bản thuần túy và .css là định dạng cho các tệp định kiểu.

Câu 2: Thẻ nào trong phần tử <head> được dùng để đặt tiêu đề của trang web?

- A. <meta>
- B. <title>
- C. <header>
- D. <body>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ <title> được sử dụng để đặt tiêu đề của trang web và sẽ hiển thị trên tab của trình duyệt. Thẻ <meta> dùng để khai báo thông tin về trang web, <header> là phần đầu của trang, và <body> chứa nội dung chính.

Câu 3: Thẻ nào được sử dụng để tạo tiêu đề chính (Heading 1) trong HTML?

- A. <h1>
- B. <h2>
- C. <h3>
- D. <h4>

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ <h1> được dùng để tạo tiêu đề chính, trong khi các thẻ <h2>, <h3>, và <h4> tạo các tiêu đề phụ với độ quan trọng giảm dần.

Câu 4: Để thêm chú thích vào trong mã HTML, bạn nên sử dụng cặp thẻ nào?

- A. <!-- và -->
- B. <comment> và </comment>
- C. {! và !}
- D. /* và */

Đáp án: A

Giải thích: Chú thích trong HTML được đặt trong cặp thẻ <!-- và -->. Các cặp thẻ khác không phải là cú pháp dành cho HTML.

Câu 5: Khi làm nổi bật nội dung cho trang web, để cập nhật tệp HTML bạn nên làm gì?

- A. Mở và lưu tệp với một tên mới
- B. Xóa nội dung của tệp và viết lại từ đầu
- C. Chỉ sửa nội dung mà không cần lưu
- D. Xóa các thẻ HTML cũ

Đáp án: A

Giải thích: Để cập nhật và làm nổi bật nội dung, bạn nên mở tệp HTML, thực hiện các thay đổi cần thiết, và sau đó lưu tệp với một tên mới để tránh ghi đè lên phiên bản trước đó.

Câu 6: Để tạo siêu liên kết trong HTML, bạn sử dụng thẻ nào?

- A. <link>
- B. <a>
- C. <url>
- D. <href>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ <a> (anchor) được sử dụng để tạo liên kết trong HTML. Thuộc tính href của thẻ <a> chỉ định địa chỉ URL của liên kết.

Câu 7: Khi tạo siêu liên kết đến một trang web khác, thuộc tính nào của thẻ <a> cần được sử dụng để chỉ định URL đích?

- A. src
- B. target

- C. href
- D. alt

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính href của thẻ <a> được dùng để chỉ định địa chỉ URL đích của siêu liên kết. Các thuộc tính khác như src, target, và alt có các chức năng khác trong HTML.

Câu 8: Để tạo tiêu đề phụ (Heading 2) trong HTML, bạn sử dụng thẻ nào?

- A. <h1>
- B. <h2>
- C. <h3>
- D. <h4>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ <h2> được dùng để tạo tiêu đề phụ có mức độ quan trọng thấp hơn tiêu đề chính (<h1>), và các thẻ <h3>, <h4> có mức độ quan trọng giảm dần.

Câu 9: Sau khi thực hiện các thay đổi trong tệp HTML, bạn cần phải làm gì để xem kết quả trong trình duyệt?

- A. Chạy mã HTML bằng một phần mềm đặc biệt
- B. Mở tệp trong trình duyệt web
- C. Đặt tệp vào máy chủ web
- D. Chia sẻ tệp qua email

Đáp án: B

Giải thích: Sau khi thay đổi tệp HTML, bạn cần mở tệp trong trình duyệt web để xem kết quả. Không cần phải chạy mã HTML bằng phần mềm đặc biệt hay đặt tệp vào máy chủ web trừ khi bạn muốn công khai trang web.

Câu 10: Để thêm thông tin cá nhân vào một mục trong trang web, bạn nên sử dụng thẻ nào để tạo danh sách các thông tin đó?

- A. và
- B. <p>
- C. <table>
- D. <div>

Đáp án: A

Giải thích: Để thêm thông tin cá nhân dưới dạng danh sách, bạn nên sử dụng thẻ để tạo danh sách không có thứ tự và thẻ để tạo các mục trong danh sách. Các thẻ khác như <p>, <table>, và <div> có các chức năng khác.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi tạo tệp HTML với tên "Bai3-NV1.html", các thẻ sau cần phải có trong phần tử <head> để khai báo HTML5 và đặt tiêu đề trang web:

- a) <html>
- b) <meta charset="utf-8">
- c) <title>
- d) <h1>

- a) Sai. Thẻ <html> nên được sử dụng để bao quanh toàn bộ nội dung của trang HTML, nhưng không nằm trong phần tử <head>.
- b) Đúng. Thẻ <meta charset="utf-8"> là cần thiết để khai báo bộ ký tự và phải được đặt trong phần tử <head>.
- c) Đúng. Thẻ <title> được sử dụng trong phần tử <head> để đặt tiêu đề của trang web.
- d) Sai. Thẻ <h1> dùng để tạo tiêu đề chính và nên nằm trong phần tử <body>, không phải trong phần tử <head>.

Câu 2: Để tạo siêu liên kết cho mỗi tỉnh/thành phố trong mục Quê quán và mở trang web công thông tin điện tử của quê hương, bạn cần sử dụng các thẻ sau: Đánh dấu đúng hoặc sai?

- a) <a> và thuộc tính href
 - b) <link> và thuộc tính href
 - c) <script> và thuộc tính src
 - d) và thuộc tính src
- a) Đúng. Thẻ <a> với thuộc tính href là cú pháp đúng để tạo siêu liên kết trong HTML, cho phép liên kết đến các trang web khác.
- b) Sai. Thẻ <link> thường được sử dụng để liên kết các tệp CSS với HTML, không phải để tạo siêu liên kết đến các trang web khác.
- c) Sai. Thẻ <script> với thuộc tính src được sử dụng để nhúng mã JavaScript, không phải để tạo siêu liên kết.
- d) Sai. Thẻ với thuộc tính src được dùng để chèn hình ảnh vào trang web, không phải để tạo siêu liên kết.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Khi tạo tệp HTML để giới thiệu bản thân, các phần tử nào nên được đặt trong phần tử <head> của tài liệu HTML?

Đáp án: <!DOCTYPE html>
<title>

<meta charset="utf-8">

Giải thích: Trong phần tử <head>, bạn cần đặt các phần tử như <title> để xác định tiêu đề của trang web, và <meta charset="utf-8"> để khai báo bộ ký tự sử dụng. Cú pháp <!DOCTYPE html> không phải là phần tử HTML và chỉ cần khai báo ở đầu tệp HTML để xác định phiên bản HTML (HTML5).

Câu 2: Để tạo tiêu đề phụ (Heading 2) trong phần tử <body> của tài liệu HTML, bạn sử dụng thẻ nào?

Đáp án: <h2>

Giải thích: Thẻ <h2> được sử dụng để tạo tiêu đề phụ trong HTML. Các tiêu đề khác như <h1>, <h3>, <h4>, <h5>, và <h6> được dùng để tạo các tiêu đề với mức độ quan trọng khác nhau.

Câu 3: Khi muốn làm nổi bật nội dung trên trang web, bạn cần thực hiện những bước nào?

Đáp án: Mở tệp HTML hiện có và lưu lại dưới tên mới (ví dụ: từ "Bai3-NV1.html" thành "Bai3-NV2.html").

Cập nhật và chỉnh sửa nội dung trong phần tử <body>.

Lưu tệp và mở trong trình duyệt để xem kết quả.

Giải thích: Để làm nổi bật nội dung, bạn cần mở tệp HTML hiện có, thực hiện các chỉnh sửa và lưu lại dưới tên mới để giữ phiên bản gốc không thay đổi. Sau đó, mở tệp đã chỉnh sửa trong trình duyệt để xem những thay đổi.

Bài 4: Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Thẻ nào được sử dụng để tạo danh sách xác định thứ tự trong HTML?

- A.
- B.
- C.
- D. <table>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ được sử dụng để tạo danh sách xác định thứ tự. Các mục trong danh sách này sẽ được đánh số thứ tự tự động.

Câu 2: Thẻ nào được sử dụng để tạo các mục nội dung trong danh sách?

- A.
- B.
- C.
- D. <table>

Đáp án: C

Giải thích: Thẻ được sử dụng để khai báo các mục nội dung trong danh sách, cho cả danh sách xác định thứ tự và không xác định thứ tự.

Câu 3: Thuộc tính nào được sử dụng để xác định thứ tự bắt đầu của danh sách xác định thứ tự?

- A. type
- B. start
- C. order
- D. list

Đáp án: B

Giải thích: Thuộc tính start được sử dụng để xác định số bắt đầu của danh sách xác định thứ tự, ví dụ: <ol start="5"> sẽ bắt đầu từ số 5.

Câu 4: Thẻ nào được sử dụng để tạo bảng trong HTML?

- A.
- B.
- C. <table>
- D. <div>

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính start được sử dụng để xác định số bắt đầu của danh sách xác định thứ tự, ví dụ: <ol start="5"> sẽ bắt đầu từ số 5.

Câu 5: Thẻ nào được sử dụng để tạo các hàng trong bảng?

- A. <td>
- B. <th>
- C. <tr>
- D. <caption>

Đáp án: C

Giải thích: Thẻ <tr> được sử dụng để khai báo các hàng trong bảng, mỗi hàng chứa một hoặc nhiều ô dữ liệu.

Câu 6: Thuộc tính nào trong thẻ <table> được sử dụng để thêm chú thích cho bảng?

- A. caption
- B. header
- C. note
- D. description

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ <caption> được sử dụng để thêm chú thích cho bảng và phải được khai báo ngay sau thẻ mở <table>.

Câu 7: Cú pháp nào là đúng để khai báo một ô dữ liệu trong bảng?

- A. <td>Data</td>
- B. <tr>Data</tr>
- C. <table>Data</table>
- D. <th>Data</th>

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ <td> được sử dụng để khai báo một ô dữ liệu trong bảng, chứa nội dung mà bạn muốn hiển thị.

Câu 8: Để tạo danh sách không xác định thứ tự trong HTML, bạn nên sử dụng thẻ nào?

- A.
- B.
- C.
- D. <table>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ được sử dụng để tạo danh sách không xác định thứ tự, với các mục được đánh dấu bằng dấu chấm tròn màu đen.

Câu 9: Khi khai báo danh sách con trong danh sách xác định thứ tự, thẻ nào được sử dụng để tạo mục con?

- A.
- B.
- C.
- D. <table>

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ được sử dụng để tạo các mục trong danh sách, bao gồm cả các mục con trong danh sách xác định thứ tự.

Câu 10: Khi tạo bảng và muốn đặt đường viền cho các ô trong bảng, thuộc tính nào cần thiết?

- A. border
- B. padding
- C. margin
- D. color

Đáp án: A

Giải thích: Thuộc tính border được sử dụng để đặt đường viền cho các ô trong bảng, giúp hiển thị bảng rõ ràng hơn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Đánh dấu đúng hoặc sai khi khai báo danh sách xác định thứ tự trong HTML, bạn có thể thay đổi cách đánh số mục trong danh sách bằng cách:

- a) Sử dụng thuộc tính type của phần tử
 - b) Sử dụng thuộc tính type của phần tử
 - c) Sử dụng thuộc tính start của phần tử
 - d) Sử dụng thuộc tính start của phần tử
- a) Sai. Thuộc tính type không được áp dụng cho phần tử , mà là thuộc tính của phần tử để thay đổi cách đánh số.
- b) Đúng. Thuộc tính type của phần tử cho phép bạn thay đổi cách đánh số các mục trong danh sách (ví dụ: sử dụng chữ cái viết hoa hoặc số La Mã).
- c) Sai. Thuộc tính start không được áp dụng cho phần tử , mà là thuộc tính của phần tử để xác định số bắt đầu của danh sách.
- d) Đúng. Thuộc tính start của phần tử cho phép bạn xác định số bắt đầu của danh sách.

Câu 2: Để tạo bảng trong HTML với đường viền xung quanh các ô và có chú thích cho bảng, bạn cần thực hiện những bước sau đúng hay sai?

- a) Sử dụng thẻ <caption> sau thẻ <tr> và thiết lập thuộc tính border cho thẻ <td>
 - b) Sử dụng thẻ <caption> ngay sau thẻ <table> và thiết lập thuộc tính border cho thẻ <table>
 - c) Sử dụng thẻ <caption> ngay sau thẻ <tr> và thiết lập thuộc tính border cho thẻ <table>
 - d) Sử dụng thẻ <caption> ngay sau thẻ <table> và thiết lập thuộc tính border cho thẻ <td>
- a) Sai. Thẻ <caption> nên được đặt ngay sau thẻ <table>, không phải sau thẻ <tr>. Thuộc tính border nên được thiết lập cho thẻ <table> chứ không phải cho thẻ <td>.
- b) Đúng. Để tạo chú thích cho bảng, bạn cần sử dụng thẻ <caption> ngay sau thẻ <table>, và để tạo đường viền cho bảng, bạn nên thiết lập thuộc tính border cho thẻ <table>.
- c) Sai. Thẻ <caption> không nên được đặt sau thẻ <tr>, mà nên được đặt ngay sau thẻ <table>. Thiết lập thuộc tính border cho thẻ <table> là đúng.
- d) Sai. Thẻ <caption> nên được đặt ngay sau thẻ <table>, nhưng thuộc tính border nên được thiết lập cho thẻ <table>, không phải cho thẻ <td>.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Để thay đổi cách đánh số trong danh sách xác định thứ tự, bạn cần sử dụng thuộc tính nào trong thẻ ?

Đáp án: type

Giải thích: Thuộc tính type trong thẻ cho phép bạn thay đổi cách đánh số các mục trong danh sách. Ví dụ, sử dụng type="A" sẽ đánh số bằng chữ cái viết hoa.

Câu 2: Thẻ nào trong HTML được sử dụng để tạo một danh sách không xác định thứ tự?

Đáp án:

Giải thích: Thẻ được sử dụng để tạo danh sách không xác định thứ tự, trong đó các mục nội dung được đánh dấu bằng các dấu chấm tròn màu đen.

Câu 3: Để tạo một bảng trong HTML với chú thích và đường viền, bạn cần sử dụng các thẻ nào?

Đáp án: <caption> và thuộc tính border của thẻ <table>

Giải thích: Để tạo chú thích cho bảng, bạn cần sử dụng thẻ <caption> ngay sau thẻ <table>. Để tạo đường viền cho bảng, bạn thiết lập thuộc tính border cho thẻ <table>.

Bài 5: Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Thẻ nào được sử dụng để chèn hình ảnh vào trang web?

- A.
- B. <audio>
- C. <video>
- D. <iframe>

Đáp án: A

Giải thích: Thẻ được dùng để chèn hình ảnh vào trang web. Các thẻ khác dùng để chèn âm thanh, video, hoặc nhúng tài nguyên từ trang web khác.

Câu 2: Thuộc tính nào của thẻ xác định tên tệp ảnh?

- A. alt
- B. width
- C. height
- D. src

Đáp án: D

Giải thích: Thuộc tính src của thẻ xác định tên tệp ảnh và có thể bao gồm cả đường dẫn đến tệp ảnh.

Câu 3: Thẻ nào được sử dụng để chèn âm thanh vào trang web?

- A.
- B. <audio>
- C. <video>
- D. <iframe>

Đáp án: B

Giải thích: Thẻ <audio> được dùng để chèn âm thanh vào trang web. Các thẻ khác được dùng để chèn hình ảnh, video, hoặc nhúng nội dung từ trang web khác.

Câu 4: Thuộc tính nào của thẻ <audio> dùng để hiển thị bảng điều khiển âm thanh trên trình duyệt?

- A. src
- B. controls
- C. autoplay
- D. loop

Đáp án: B

Giải thích: Thuộc tính controls của thẻ <audio> hiển thị bảng điều khiển để người dùng có thể tương tác với âm thanh.

Câu 5: Thẻ nào được sử dụng để chèn video vào trang web?

- A.
- B. <audio>
- C. <video>
- D. <iframe>

Đáp án: C

Giải thích: Thẻ <video> được dùng để chèn video vào trang web. Các thẻ khác dùng để chèn hình ảnh, âm thanh, hoặc nhúng nội dung từ trang web khác.

Câu 6: Thuộc tính nào của thẻ <video> cho phép hiển thị bảng điều khiển video trên trình duyệt?

- A. src
- B. controls
- C. autoplay
- D. loop

Đáp án: B

Giải thích: Thuộc tính controls của thẻ <video> hiển thị bảng điều khiển để người dùng có thể tương tác với video.

Câu 7: Để nhúng một tệp HTML vào trang web, thẻ nào được sử dụng?

- A.
- B. <audio>
- C. <video>
- D. <iframe>

Đáp án: D

Giải thích: Thẻ <iframe> được sử dụng để nhúng một tệp HTML hoặc tài nguyên web khác vào trang web hiện tại.

Câu 8: Để xác định kích thước của vùng nhúng khi sử dụng thẻ <iframe>, thuộc tính nào được sử dụng?

- A. src
- B. controls
- C. width và height
- D. autoplay

Đáp án: C

Giải thích: Các thuộc tính width và height của thẻ <iframe> xác định kích thước của vùng nhúng trên trang web.

Câu 9: Định dạng âm thanh nào không phổ biến khi sử dụng thẻ <audio>?

- A. MP3
- B. OGG
- C. WAV

D. JPG

Đáp án: D

Giải thích: JPG là định dạng hình ảnh, không phải định dạng âm thanh. MP3 và OGG là các định dạng âm thanh phổ biến.

Câu 10: Khi chèn hình ảnh, nếu không khai báo thuộc tính width và height, ảnh sẽ hiển thị theo kích thước nào?

- A. Kích thước gốc
- B. Kích thước của phần tử chứa ảnh
- C. Kích thước theo màn hình
- D. Kích thước của thẻ

Đáp án: A

Giải thích: Nếu không khai báo thuộc tính width và height, ảnh sẽ hiển thị theo kích thước gốc của nó.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Phát biểu sau đây đúng hay sai: Khi chèn hình ảnh vào trang web, thuộc tính nào của thẻ là không bắt buộc?

- a) src
- b) alt
- c) width
- d) height

a) Sai. Thuộc tính src là bắt buộc vì nó chỉ định đường dẫn đến tệp ảnh cần hiển thị. Nếu thiếu, hình ảnh sẽ không hiển thị.

b) Sai. Mặc dù alt không bắt buộc, nó rất quan trọng cho SEO và khả năng truy cập, đặc biệt đối với người dùng sử dụng công cụ đọc màn hình. Tuy nhiên, trong thực tế, alt thường được coi là cần thiết.

c) Đúng. Thuộc tính width không bắt buộc. Nếu không khai báo, ảnh sẽ hiển thị theo kích thước gốc.

d) Đúng. Tương tự width, thuộc tính height không bắt buộc và ảnh sẽ hiển thị theo kích thước gốc nếu không khai báo.

Câu 2: Phát biểu sau đây đúng hay sai: Để chèn tệp âm thanh vào trang web và cho phép người dùng điều khiển việc phát nhạc, thuộc tính nào của thẻ <audio> cần được thêm vào?

- a) src
- b) controls
- c) autoplay
- d) loop

a) Sai. Thuộc tính src xác định tệp âm thanh cần phát, nhưng không điều khiển được việc phát nhạc bởi người dùng.

b) Đúng. Thuộc tính controls hiển thị bảng điều khiển cho phép người dùng phát, tạm dừng, và điều chỉnh âm lượng tệp âm thanh.

c) Sai. Thuộc tính autoplay tự động phát tệp âm thanh khi trang được tải, nhưng không cung cấp điều khiển cho người dùng.

d) Sai. Thuộc tính loop chỉ định tệp âm thanh sẽ lặp lại khi kết thúc, nhưng không cung cấp bảng điều khiển.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Trong thẻ , thuộc tính nào dùng để xác định tên tệp ảnh hoặc đường dẫn đến tệp ảnh?

Đáp án: Thuộc tính src.

Giải thích: Thuộc tính src trong thẻ xác định tên tệp ảnh hoặc đường dẫn đến tệp ảnh cần hiển thị. Đây là thuộc tính bắt buộc để hiển thị hình ảnh trên trang web.

Câu 2: Thẻ <audio> cần có thuộc tính nào để hiển thị bảng điều khiển cho người dùng?

Đáp án: Thuộc tính controls.

Giải thích: Thuộc tính controls của thẻ <audio> hiển thị bảng điều khiển cho phép người dùng phát, tạm dừng, và điều chỉnh âm lượng của tệp âm thanh trên trình duyệt web.

Câu 3: Khi sử dụng thẻ <iframe> liệu có thể điều chỉnh vị trí hiển thị của các thành phần trong nội dung được nhúng không?

Đáp án: Không.

Giải thích: Khi sử dụng thẻ <iframe> để nhúng nội dung từ một trang web khác, bạn không thể điều chỉnh vị trí hiển thị của các thành phần bên trong iframe. Nội dung và vị trí hiển thị của các thành phần này được xác định bởi trang web gốc.

Bài 6 : Tạo biểu mẫu

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Trong biểu mẫu trên trang web, điều khiển nào thường được sử dụng để người dùng nhập ký tự văn bản?

- A. <input type="checkbox">
- B. <input type="radio">
- C. <input type="text">
- D. <input type="submit">

Đáp án: C

Giải thích: Điều khiển <input type="text"> được sử dụng để nhập chuỗi ký tự, thường là văn bản.

Câu 2: Điều khiển nào trên biểu mẫu cho phép người dùng chọn nhiều mục cùng một lúc?

- A. Nút chọn (radio button)
- B. Ô văn bản (text box)
- C. Hộp kiểm (checkbox)
- D. Nút gửi (submit button)

Đáp án: C

Giải thích: Hộp kiểm (checkbox) cho phép người dùng chọn nhiều mục cùng một lúc, trong khi nút chọn chỉ cho phép chọn một mục.

Câu 3: Thuộc tính nào của điều khiển <input type="text"> giúp nhận diện dữ liệu gửi từ biểu mẫu về máy chủ?

- A. type

- B. value
- C. name
- D. placeholder

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính name của điều khiển giúp xác định và xử lý dữ liệu gửi từ biểu mẫu về máy chủ web.

Câu 4: Điều khiển nào được sử dụng để gửi dữ liệu từ biểu mẫu về máy chủ web?

- A. `<input type="text">`
- B. `<input type="radio">`
- C. `<input type="checkbox">`
- D. `<input type="submit">`

Đáp án: D

Giải thích: Nút submit (`<input type="submit">`) được sử dụng để gửi dữ liệu từ biểu mẫu đến máy chủ web để xử lý.

Câu 5: Điều nào sau đây không phải là một phần của biểu mẫu trên trang web?

- A. Ô văn bản
- B. Nút chọn
- C. Hộp kiểm
- D. Tiêu đề trang

Đáp án: D

Giải thích: Tiêu đề trang không phải là một phần của biểu mẫu; nó là một phần của giao diện trang web nhưng không liên quan đến việc nhập dữ liệu.

Câu 6: Khi sử dụng các nút chọn (radio button), thuộc tính nào phải giống nhau để đảm bảo người dùng chỉ chọn được một mục?

- A. value
- B. type
- C. name
- D. id

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính name phải giống nhau cho tất cả các nút chọn để đảm bảo chỉ có thể chọn một mục trong nhóm.

Câu 7: Khi nào người dùng cần nhấp vào nút submit trên biểu mẫu?

- A. Khi nhập xong dữ liệu vào một ô văn bản
- B. Khi muốn hủy bỏ dữ liệu đã nhập
- C. Khi muốn gửi dữ liệu về máy chủ
- D. Khi muốn lưu dữ liệu trên trang web

Đáp án: C

Giải thích: Nút submit được sử dụng để gửi dữ liệu nhập từ biểu mẫu đến máy chủ web để xử lý.

Câu 8: Thuộc tính value của `<input type="submit">` có tác dụng gì nếu được khai báo?

- A. Định nghĩa tên điều khiển
- B. Xác định kiểu dữ liệu nhập
- C. Cung cấp nhãn cho nút submit

D. Giới hạn số lượng ký tự nhập vào

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính value nếu được khai báo sẽ cung cấp nhãn cho nút submit, giúp hiển thị văn bản lên nút đó.

Câu 9: Việc sắp xếp các điều khiển nhập liệu và nút lệnh hợp lý trên biểu mẫu có tác dụng gì?

- A. Tăng tốc độ xử lý của máy chủ
- B. Giảm số lượng dữ liệu nhập sai
- C. Tăng độ phức tạp của biểu mẫu
- D. Giúp người dùng dễ dàng sử dụng biểu mẫu

Đáp án: D

Giải thích: Việc sắp xếp hợp lý giúp biểu mẫu thân thiện và dễ sử dụng hơn, hỗ trợ người dùng trong quá trình nhập dữ liệu.

Câu 10: Trong biểu mẫu, để người dùng dễ dàng lựa chọn và đảm bảo dữ liệu nhập vào được quản lý hiệu quả, cần lưu ý điều gì khi sử dụng các nút chọn?

- A. Đặt các nút chọn ở cuối biểu mẫu
- B. Chọn điều khiển nhập liệu phù hợp
- C. Đảm bảo các thuộc tính name của nút chọn giống nhau
- D. Sắp xếp các nút chọn theo hàng ngang

Đáp án: C

Giải thích: Thuộc tính name của các nút chọn phải giống nhau để đảm bảo người dùng chỉ có thể chọn một mục trong danh sách.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về các điều khiển nhập liệu trong biểu mẫu trên trang web?

- a) Ô văn bản (text box) chỉ cho phép nhập một số ký tự hạn chế.
 - b) Nút chọn (radio button) cho phép người dùng chọn nhiều mục cùng lúc.
 - c) Hộp kiểm (checkbox) thường được sử dụng để cho phép người dùng chọn nhiều mục.
 - d) Nút lệnh gửi (submit button) chỉ có thể gửi dữ liệu về máy chủ nếu có thuộc tính value.
- a) Sai. Ô văn bản không giới hạn số lượng ký tự, trừ khi có sử dụng thuộc tính maxlength.
b) Sai. Nút chọn chỉ cho phép chọn một mục trong danh sách.
c) Đúng. Hộp kiểm cho phép người dùng chọn nhiều mục cùng lúc.
d) Sai. Nút lệnh gửi dữ liệu có thể hoạt động ngay cả khi không có thuộc tính value.

Câu 2: Phát biểu sau đây là đúng hay sai khi nói về thiết kế biểu mẫu?

- a) Nên sắp xếp các điều khiển từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
 - b) Chỉ nên sử dụng một loại điều khiển nhập liệu trong một biểu mẫu.
 - c) Các nút lệnh nên được đặt ở cuối biểu mẫu.
 - d) Đặt các nút lệnh có tần suất sử dụng nhiều ở bên phải.
- a) Đúng. Sắp xếp các điều khiển từ trái sang phải, từ trên xuống dưới giúp biểu mẫu dễ nhìn và logic.
b) Sai. Có thể sử dụng nhiều loại điều khiển nhập liệu khác nhau trong cùng một biểu mẫu để phù hợp với các loại dữ liệu khác nhau.

c) Đúng. Đặt các nút lệnh ở cuối biểu mẫu giúp người dùng dễ dàng thực hiện thao tác sau khi nhập dữ liệu.

d) Sai. Nút lệnh có tần suất sử dụng nhiều nên được đặt ở bên trái để dễ tiếp cận.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Ô văn bản trong biểu mẫu web thường dùng để nhập loại dữ liệu gì?

Đáp án: Ô văn bản thường dùng để nhập chuỗi ký tự hoặc văn bản.

Giải thích: Ô văn bản, được khai báo bằng `<input type="text">`, cho phép người dùng nhập văn bản tự do, chẳng hạn như tên, địa chỉ email hoặc các thông tin khác.

Câu 2: Nút chọn (radio button) trong biểu mẫu được sử dụng khi nào?

Đáp án: Nút chọn được sử dụng khi cần cho người dùng chọn một mục trong danh sách các tùy chọn.

Giải thích: Nút chọn (radio button) cho phép người dùng chọn duy nhất một mục từ một nhóm các tùy chọn, thường dùng khi cần người dùng quyết định một trong các lựa chọn cố định.

Câu 3: Tại sao thuộc tính name của các nút chọn trong cùng một nhóm phải giống nhau?

Đáp án: Thuộc tính name của các nút chọn trong cùng một nhóm phải giống nhau để đảm bảo người dùng chỉ có thể chọn một mục duy nhất trong nhóm đó.

Giải thích: Việc có cùng tên (name) cho các nút chọn trong một nhóm đảm bảo rằng chỉ một lựa chọn duy nhất có thể được chọn tại một thời điểm, giúp quản lý dữ liệu nhập vào một cách nhất quán và chính xác.

Bài 7: Thực hành tạo biểu mẫu

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Trong bước đầu tiên của Nhiệm vụ 1, yêu cầu tạo tệp HTML với tên nào?

- A. Bai7-NV1.txt
- B. Bai7-NV1.html
- C. Bai7-NV1.doc
- D. Bai7-NV1.css

Đáp án: B

Giải thích: Tệp HTML được yêu cầu tạo với tên "Bai7-NV1.html" để thực hiện nhiệm vụ tạo biểu mẫu.

Câu 2: Cấu trúc nào được khai báo trong phần tử head của tệp HTML?

- A. `<script>`
- B. `<style>`
- C. `<title>`
- D. `<meta>`

Đáp án: C

Giải thích: Phần tử head thường chứa các phần tử như `<title>`, `<meta>`, `<link>` và `<style>` để định nghĩa thông tin về tài liệu.

Câu 3: Điều nào không phải là yêu cầu của Nhiệm vụ 1?

- A. Tạo tệp HTML mới
- B. Thêm các điều khiển nhập liệu lựa chọn

- C. Tạo biểu mẫu có ô Text
- D. Xem kết quả trên trình duyệt web

Đáp án: B

Giải thích: Thêm các điều khiển nhập liệu lựa chọn là nhiệm vụ của Nhiệm vụ 2, không phải Nhiệm vụ 1.

Câu 4: Trong Nhiệm vụ 2, tệp HTML mới được ghi lưu với tên gì?

- A. Bai7-NV1.html
- B. Bai7-NV2.html
- C. Bai7-NV3.html
- D. Bai7-NV.html

Đáp án: B

Giải thích: Tệp HTML được ghi lưu với tên "Bai7-NV2.html" sau khi mở và cập nhật từ tệp "Bai7-NV1.html".

Câu 5: Bước nào trong Nhiệm vụ 1 yêu cầu mở tệp bằng trình duyệt web?

- A. Bước 1
- B. Bước 2
- C. Bước 3
- D. Bước 4

Đáp án: D

Giải thích: Bước 4 yêu cầu ghi lưu tệp, mở bằng trình duyệt web và xem kết quả để kiểm tra tính đúng đắn của biểu mẫu đã tạo.

Câu 6: Điều nào sau đây không phải là một phần của hướng dẫn thực hiện Nhiệm vụ 2?

- A. Tạo tệp HTML mới
- B. Cập nhật nội dung phần tử body
- C. Ghi lưu tệp với tên mới
- D. Xem kết quả trên trình duyệt web

Đáp án: A

Giải thích: Nhiệm vụ 2 không yêu cầu tạo tệp HTML mới mà chỉ yêu cầu cập nhật và lưu tệp đã có.

Câu 7: Yêu cầu của Nhiệm vụ 2 là gì?

- A. Tạo biểu mẫu với ô Text nhập dữ liệu
- B. Thêm các điều khiển nhập dữ liệu lựa chọn và nút gửi
- C. Cập nhật phần tử head
- D. Thay đổi tiêu đề của tệp HTML

Đáp án: B

Giải thích: Nhiệm vụ 2 yêu cầu thêm các điều khiển nhập dữ liệu lựa chọn và nút gửi vào biểu mẫu.

Câu 8: Trong quy trình thực hiện Nhiệm vụ 1, bước nào là bước cuối cùng?

- A. Tạo tệp HTML
- B. Tạo cấu trúc và khai báo phần tử head
- C. Tạo biểu mẫu
- D. Xem kết quả trên trình duyệt web

Đáp án: D

Giải thích: Sau khi tạo biểu mẫu và khai báo phần tử head, bước cuối cùng là ghi lưu tệp và kiểm tra kết quả trên trình duyệt web.

Câu 9: Điều nào là yêu cầu duy nhất trong Nhiệm vụ 1?

- A. Thêm các điều khiển nhập dữ liệu lựa chọn
- B. Tạo biểu mẫu có ô Text nhập dữ liệu
- C. Cập nhật nội dung phần tử body
- D. Ghi lưu tệp với tên mới

Đáp án: B

Giải thích: Yêu cầu chính của Nhiệm vụ 1 là tạo một biểu mẫu có ô Text nhập dữ liệu.

Câu 10: Kết quả của Nhiệm vụ 2 được kiểm tra bằng cách nào?

- A. Đọc mã nguồn HTML
- B. Xem kết quả trên trình duyệt web
- C. Sử dụng trình biên dịch HTML
- D. Đọc tài liệu hướng dẫn

Đáp án: B

Giải thích: Để kiểm tra kết quả của Nhiệm vụ 2, người thực hiện mở tệp HTML bằng trình duyệt web và xem kết quả hiển thị.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Đánh dấu đúng hoặc sai trong 4 ý sau: Đây là bước đầu tiên trong Nhiệm vụ 1 của Bài 7?

- a) Tạo tệp HTML có tên "Bai7-NV2.html"
- b) Tạo cấu trúc và khai báo phần tử head cho tệp HTML
- c) Tạo tệp HTML có tên "Bai7-NV1.html"
- d) Tạo biểu mẫu và lưu tệp

- a) Sai. Tên tệp "Bai7-NV2.html" được sử dụng trong Nhiệm vụ 2, không phải Nhiệm vụ 1.
- b) Sai. Đây là bước thứ hai trong Nhiệm vụ 1, không phải bước đầu tiên.
- c) Đúng. Bước đầu tiên trong Nhiệm vụ 1 là tạo tệp HTML có tên "Bai7-NV1.html".
- d) Sai. Tạo biểu mẫu và lưu tệp không phải là bước đầu tiên.

Câu 2: Trong Nhiệm vụ 2, Xác định đúng hay sai việc thêm các điều khiển nhập dữ liệu lựa chọn vào biểu mẫu yêu cầu thực hiện :

- a) Mở tệp "Bai7-NV1.html" và chỉnh sửa trực tiếp
- b) Thêm các điều khiển như nút chọn (radio button) và hộp kiểm (checkbox)
- c) Chỉ cần thêm một nút lệnh gửi dữ liệu mà không cần các điều khiển khác
- d) Tạo mới hoàn toàn một biểu mẫu từ đầu

- a) Sai. Dù đúng là cần mở tệp "Bai7-NV1.html", nhưng câu này không đầy đủ vì thiếu việc lưu tệp với tên mới và thêm các điều khiển.
- b) Đúng. Nhiệm vụ 2 yêu cầu thêm các điều khiển như nút chọn (radio button) và hộp kiểm (checkbox) vào biểu mẫu.
- c) Sai. Nhiệm vụ 2 không chỉ yêu cầu thêm nút lệnh gửi dữ liệu mà còn các điều khiển khác.
- d) Sai. Nhiệm vụ 2 yêu cầu chỉnh sửa tệp đã có, không phải tạo mới hoàn toàn từ đầu.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1: Bước đầu tiên để tạo biểu mẫu có ô Text nhập dữ liệu trong Nhiệm vụ 1 là gì?

Đáp án: Tạo tệp “Bai7-NV1.html”.

Giải thích: Trong Nhiệm vụ 1, bước đầu tiên yêu cầu tạo một tệp HTML mới với tên “Bai7-NV1.html” để bắt đầu quá trình tạo biểu mẫu.

Câu 2: Nội dung phần tử nào cần được khai báo trong tệp “Bai7-NV1.html” sau khi tạo cấu trúc tệp?

Đáp án: Phần tử head.

Giải thích: Sau khi tạo cấu trúc tệp HTML, bước tiếp theo là khai báo phần tử head, chứa các thông tin meta, tiêu đề của trang và các liên kết tới tệp CSS nếu có.

Câu 3: Khi thêm các điều khiển nhập dữ liệu lựa chọn vào biểu mẫu trong Nhiệm vụ 2, tệp HTML cần được lưu với tên gì?

Đáp án: “Bai7-NV2.html”.

Giải thích: Trong Nhiệm vụ 2, sau khi mở tệp “Bai7-NV1.html” đã hoàn thành ở Nhiệm vụ 1, nội dung cần được cập nhật và lưu lại với tên mới là “Bai7-NV2.html” để phản ánh các thay đổi mới.

Bài 1: Giới thiệu nhóm nghề dịch vụ và quản trị trong ngành công nghệ thông tin

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Nhóm nghề dịch vụ và quản trị trong ngành Công nghệ thông tin dựa trên văn bản nào sau đây?

- A. Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
- B. Tài liệu "Những điều cần biết về nghề Công nghệ thông tin" của Bộ Thông tin và Truyền thông
- C. Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- D. Cả ba văn bản trên

Đáp án: D

Giải thích: Nhóm nghề dịch vụ và quản trị trong ngành Công nghệ thông tin được trình bày dựa trên cả ba văn bản đã nêu.

Câu 2: Kỹ thuật viên công nghệ thông tin không thực hiện công việc nào sau đây?

- A. Lắp đặt thiết bị phần cứng và thiết lập kết nối mạng
- B. Quản lý thiết bị mạng và điều chỉnh hiệu năng mạng
- C. Khắc phục lỗi máy tính cho khách hàng
- D. Cài đặt và nâng cấp phần mềm trên máy tính của nhân viên

Đáp án: B

Giải thích: Quản lý thiết bị mạng và điều chỉnh hiệu năng mạng là công việc của kỹ sư quản trị mạng, không phải kỹ thuật viên công nghệ thông tin.

Câu 3: An toàn thông tin liên quan đến việc nào sau đây?

- A. Chỉ bảo vệ phần cứng máy tính
- B. Chỉ bảo vệ thông tin cá nhân
- C. Bảo vệ thông tin số và hệ thống thông tin
- D. Bảo vệ phần mềm ứng dụng

Đáp án: C

Giải thích: An toàn thông tin bao gồm việc bảo vệ thông tin số và hệ thống thông tin trước các rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn.

Câu 4: Kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với kỹ sư an toàn thông tin?

- A. Thiết kế đồ họa
- B. Quản lý tài chính
- C. Giải quyết vấn đề và xây dựng quy trình ngăn ngừa, ứng phó với tấn công mạng
- D. Đào tạo và giảng dạy

Đáp án: C

Giải thích: Kỹ sư an toàn thông tin cần có kỹ năng giải quyết vấn đề và xây dựng các quy trình để ngăn ngừa và ứng phó với các cuộc tấn công mạng.

Câu 5: Công việc chính của kỹ sư quản trị mạng không bao gồm?

- A. Quản lý thiết bị mạng
- B. Điều chỉnh hiệu năng mạng
- C. Cài đặt phần mềm đồ họa
- D. Khắc phục sự cố mạng

Đáp án: C

Giải thích: Cài đặt phần mềm đồ họa không phải là công việc chính của kỹ sư quản trị mạng. Công việc của họ bao gồm quản lý thiết bị mạng, điều chỉnh hiệu năng mạng và khắc phục sự cố mạng.

Câu 6: Cơ hội nghề nghiệp của kỹ thuật viên công nghệ thông tin hiện nay và trong tương lai như thế nào?

- A. Không có nhu cầu tuyển dụng cao
- B. Chỉ có nhu cầu tuyển dụng tại các công ty lớn
- C. Có nhiều cơ hội tuyển dụng, kể cả cho người mới vào nghề
- D. Chỉ tuyển dụng những người đã có kinh nghiệm lâu năm

Đáp án: C

Giải thích: Ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, nên nhu cầu tuyển dụng kỹ thuật viên công nghệ thông tin cao, kể cả cho người mới vào nghề.

Câu 7: Nhiệm vụ nào không thuộc về kỹ sư an toàn thông tin?

- A. Thiết lập và hướng dẫn các quy định an toàn thông tin cho người dùng
- B. Sử dụng công cụ theo dõi và báo động khi có tín hiệu đáng ngờ
- C. Tạo và chỉnh sửa nội dung website
- D. Tư vấn an toàn thông tin cho bộ phận phát triển phần cứng và phần mềm

Đáp án: C

Giải thích: Tạo và chỉnh sửa nội dung website không phải là nhiệm vụ của kỹ sư an toàn thông tin. Họ tập trung vào bảo mật và bảo vệ hệ thống thông tin.

Câu 8: Để trở thành một kỹ sư quản trị mạng, cần có kiến thức về:

- A. Tài chính và kế toán
- B. Phần cứng máy tính, hệ thống mạng và an toàn thông tin
- C. Thiết kế đồ họa
- D. Lập trình di động

Đáp án: B

Giải thích: Kỹ sư quản trị mạng cần có kiến thức về phần cứng máy tính, hệ thống mạng và an toàn thông tin để thực hiện công việc của mình.

Câu 9: Công việc nào không thuộc trách nhiệm của người làm quản trị và bảo trì hệ thống?

- A. Phân tích và xác định nhu cầu hệ thống thông tin của tổ chức
- B. Lập kế hoạch và chiến lược để đảm bảo an toàn thông tin
- C. Đào tạo nhân viên về tài chính và kế toán
- D. Giải quyết vấn đề phát sinh từ người dùng hoặc hệ thống giám sát cảnh báo

Đáp án: C

Giải thích: Đào tạo nhân viên về tài chính và kế toán không thuộc trách nhiệm của người làm quản trị và bảo trì hệ thống. Họ tập trung vào quản lý và bảo trì hệ thống thông tin.

Câu 10: Một trong những tố chất cá nhân quan trọng đối với kỹ sư an toàn thông tin là gì?

- A. Khả năng nói trước công chúng
- B. Cẩn thận và khả năng chịu áp lực cao
- C. Kỹ năng nấu ăn
- D. Khả năng hội họa

Đáp án: B

Giải thích: Kỹ sư an toàn thông tin cần có tố chất cẩn thận và khả năng chịu áp lực cao do tính chất công việc liên quan đến bảo mật và an toàn thông tin.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về nhóm nghề dịch vụ trong ngành Công nghệ thông tin?

- b) Kỹ thuật viên công nghệ thông tin có thể làm việc tại các cửa hàng nhỏ bán máy tính và phụ tùng phần cứng.
- b) Kỹ thuật viên công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng phải khắc phục lỗi làm gián đoạn dịch vụ mà khách hàng đang sử dụng.
- c) Các kỹ thuật viên công nghệ thông tin tại các tổ chức chỉ quản lý thiết bị mạng, không quản lý máy tính và thiết bị ngoại vi.
- d) Các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin chỉ cung cấp kiến thức về phần cứng máy tính.
- a) Đúng. Kỹ thuật viên công nghệ thông tin có thể làm việc tại các cửa hàng nhỏ bán máy tính và phụ tùng phần cứng, bao gồm khắc phục lỗi và sửa chữa máy tính cho khách hàng.
- b) Đúng. Một trong những công việc của kỹ thuật viên công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng là khắc phục lỗi làm gián đoạn dịch vụ.
- c) Sai. Kỹ thuật viên công nghệ thông tin tại các tổ chức quản lý cả máy tính, thiết bị mạng và thiết bị ngoại vi.
- d) Sai. Các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin cung cấp kiến thức về cả phần cứng và phần mềm, cũng như các kỹ năng liên quan.

Câu 2: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về nhóm nghề quản trị trong ngành Công nghệ thông tin?

- a) Quản trị mạng đảm bảo hệ thống mạng máy tính hoạt động thông suốt và an toàn.
- b) Kỹ sư quản trị mạng không cần biết về các giao thức mạng phổ biến.
- c) Quản trị và bảo trì hệ thống liên quan đến việc cài đặt phần cứng và phần mềm cho hệ thống mạng.

d) Các kĩ sư quản trị mạng chỉ cần tập trung vào phần cứng máy tính, không cần quan tâm đến an toàn và an ninh mạng.

a) Đúng. Quản trị mạng đảm bảo hệ thống mạng máy tính hoạt động thông suốt và an toàn.

b) Sai. Kĩ sư quản trị mạng cần hiểu biết về các giao thức mạng phổ biến để vận hành và quản lý hệ thống mạng hiệu quả.

c) Đúng. Quản trị và bảo trì hệ thống liên quan đến việc cài đặt phần cứng và phần mềm cho hệ thống mạng.

d) Sai. Kĩ sư quản trị mạng cần quan tâm đến cả phần cứng máy tính và an toàn, an ninh mạng để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và an toàn.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

Câu 1: Kĩ thuật viên công nghệ thông tin có trách nhiệm chính là gì tại các cửa hàng bán máy tính và phụ tùng phần cứng?

Đáp án: Khắc phục lỗi, sửa chữa máy tính và tư vấn khách hàng về việc mua máy tính hay nâng cấp phần cứng, phần mềm.

Giải thích: Kĩ thuật viên công nghệ thông tin tại các cửa hàng bán máy tính và phụ tùng phần cứng thường thực hiện các công việc như khắc phục lỗi, sửa chữa máy tính cho khách hàng, cũng như tư vấn về việc mua hoặc nâng cấp phần cứng, phần mềm.

Câu 2: Kĩ sư an toàn thông tin cần có những kiến thức và kĩ năng gì?

Đáp án: Hệ điều hành, hệ thống mạng và các giao thức mạng, cơ sở dữ liệu, bảo mật, mã hoá, tường lửa, và các công cụ phát hiện xâm nhập.

Giải thích: Kĩ sư an toàn thông tin cần hiểu rõ về hệ điều hành, hệ thống mạng, các giao thức mạng, cơ sở dữ liệu, các phương thức bảo mật như mã hoá và tường lửa, cũng như các công cụ phát hiện xâm nhập để bảo vệ thông tin và dữ liệu trong hệ thống.

Câu 3: Nhiệm vụ chính của quản trị viên hệ thống là gì?

Đáp án: Phân tích và xác định nhu cầu hệ thống thông tin của tổ chức, cài đặt phần cứng và phần mềm, tối ưu hoá và duy trì hiệu quả hoạt động của hệ thống, và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Giải thích: Quản trị viên hệ thống có trách nhiệm phân tích nhu cầu hệ thống thông tin, cài đặt và duy trì phần cứng và phần mềm, tối ưu hoá hệ thống để đảm bảo hiệu suất cao, và giải quyết các vấn đề phát sinh từ người dùng hoặc hệ thống giám sát cảnh báo.

Bài 2: Một số nghề khác trong ngành Công nghệ thông tin và một số nghề ứng dụng trong Công nghệ thông tin

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Kiểm thử viên phần mềm chịu trách nhiệm chính trong việc gì?

- A. Viết mã nguồn cho phần mềm
- B. Quản lý dự án phát triển phần mềm
- C. Chạy thử phần mềm để tìm lỗi
- D. Thiết kế giao diện người dùng

Đáp án: C

Giải thích: Kiểm thử viên phần mềm chịu trách nhiệm chạy thử phần mềm để xác định lỗi và đảm bảo phần mềm đáp ứng yêu cầu thiết kế.

Câu 2: Người quản lý kiểm thử có nhiệm vụ chính nào sau đây?

- A. Phát triển mã nguồn phần mềm
- B. Thiết lập quy trình kiểm thử và phân công công việc cho kiểm thử viên
- C. Thiết kế giao diện người dùng
- D. Quản lý dữ liệu của hệ thống

Đáp án: B

Giải thích: Người quản lý kiểm thử lập kế hoạch kiểm thử, viết kịch bản thử nghiệm và phân công công việc cho các kiểm thử viên.

Câu 3: Chuyển đổi số ở cấp độ doanh nghiệp thường bao gồm điều gì?

- A. Áp dụng công nghệ số để thay thế hoàn toàn công nghệ cũ
- B. Sử dụng công nghệ số tiên tiến để thay đổi mô hình kinh doanh và cách tương tác với khách hàng
- C. Chỉ sử dụng phần mềm kế toán và quản lý tài chính
- D. Chỉ áp dụng trong lĩnh vực sản xuất

Đáp án: B

Giải thích: Chuyển đổi số ở cấp độ doanh nghiệp tập trung vào việc áp dụng công nghệ số để cải tiến mô hình kinh doanh và cách thức tương tác với khách hàng.

Câu 4: Kỹ sư điện toán đám mây làm công việc chính nào sau đây?

- A. Thiết kế và phát triển phần mềm quản lý tài chính
- B. Thiết kế và duy trì cơ sở hạ tầng đám mây
- C. Thiết kế giao diện người dùng cho ứng dụng
- D. Phân tích dữ liệu kinh doanh

Đáp án: B

Giải thích: Kỹ sư điện toán đám mây chịu trách nhiệm thiết kế, phát triển, bảo trì và khắc phục sự cố cơ sở hạ tầng đám mây.

Câu 5: Công việc của kỹ sư IoT bao gồm:

- A. Phát triển ứng dụng di động
- B. Thiết kế, phát triển, triển khai và bảo trì các hệ thống IoT
- C. Quản lý tài chính doanh nghiệp
- D. Tạo nội dung truyền thông số

Đáp án: B

Giải thích: Kỹ sư IoT (Internet of Things) làm việc với các hệ thống IoT, nơi các thiết bị và cảm biến được tích hợp để trao đổi thông tin qua mạng theo thời gian thực.

Câu 6: Chuyên viên thiết kế đồ họa cần sử dụng phần mềm nào?

- A. Photoshop và Illustrator
- B. Microsoft Excel và Word
- C. Autocad và SolidWorks
- D. MATLAB và Simulink

Đáp án: A

Giải thích: Chuyên viên thiết kế đồ họa sử dụng phần mềm như Photoshop và Illustrator để tạo ra các sản phẩm thiết kế đồ họa.

Câu 7: Nhà phát triển trang web cần làm gì để đảm bảo trang web hoạt động tốt?

- A. Thiết kế giao diện và menu điều hướng
- B. Quản lý dữ liệu tài chính
- C. Viết mã cho ứng dụng di động
- D. Kiểm tra hoạt động của trang web và khắc phục sự cố

Đáp án: D

Giải thích: Nhà phát triển trang web chịu trách nhiệm kiểm tra hoạt động của trang web để đảm bảo đáp ứng mục tiêu và nhu cầu của người dùng, đồng thời khắc phục các sự cố phát sinh.

Câu 8: Chuyên viên kỹ xảo điện ảnh chủ yếu làm việc ở đâu?

- A. Trong giai đoạn tiền sản xuất của phim
- B. Trong giai đoạn hậu kỳ của sản phẩm nghe nhìn
- C. Trong quá trình viết kịch bản
- D. Trong việc thiết kế âm thanh cho phim

Đáp án: B

Giải thích: Chuyên viên kỹ xảo điện ảnh làm việc trong phần hậu kỳ, đảm bảo các hiệu ứng âm thanh và hình ảnh mang lại cảm xúc chân thật và truyền tải đúng thông điệp của nhà sản xuất.

Câu 9: Kỹ sư GIS chủ yếu sử dụng gì trong công việc của mình?

- A. Hệ thống thông tin quản lý
- B. Hệ thống thông tin địa lý (GIS)
- C. Hệ thống quản lý dự án
- D. Hệ thống bảo mật thông tin

Đáp án: B

Giải thích: Kỹ sư GIS sử dụng hệ thống thông tin địa lý để tạo bản đồ số và phân tích dữ liệu địa lý cho các ứng dụng khác nhau.

Câu 10: Nghề Công nghệ tài chính (Fintech) sử dụng công nghệ nào để cải thiện dịch vụ tài chính?

- A. Công nghệ điện toán đám mây
- B. Công nghệ sinh học
- C. Công nghệ nano
- D. Công nghệ vũ trụ

Đáp án: A

Giải thích: Công nghệ tài chính (Fintech) sử dụng công nghệ điện toán đám mây, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo để cải thiện dịch vụ tài chính, ngân hàng và đầu tư.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về các vai trò trong ngành công nghiệp phần mềm:

- a) Kiểm thử viên thực hiện các thử nghiệm để tìm ra lỗi trong phần mềm.
- b) Người quản lý kiểm thử lập kế hoạch kiểm thử và không liên quan đến việc viết kịch bản thử nghiệm.
- c) Nhà thiết kế UI chỉ tập trung vào giao diện người dùng mà không quan tâm đến trải nghiệm người dùng.
- d) Trải nghiệm người dùng (UX) liên quan đến cảm nhận của người dùng về tiện ích và hiệu quả của sản phẩm.

a) Đúng: Kiểm thử viên là người thực hiện các thử nghiệm phần mềm để tìm ra lỗi.

b) Sai: Người quản lý kiểm thử cũng có nhiệm vụ viết kịch bản thử nghiệm ngoài việc lập kế hoạch kiểm thử.

c) Sai: Nhà thiết kế giao diện người dùng (UI) thường kết hợp với nhà thiết kế trải nghiệm người dùng (UX) để đảm bảo phần mềm dễ sử dụng và thân thiện với người dùng.

d) Đúng: Trải nghiệm người dùng (UX) liên quan đến cảm nhận của người dùng về tiện ích, sự dễ sử dụng và hiệu quả của sản phẩm.

Câu 2: Phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về các vai trò trong chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Kỹ sư điện toán đám mây chủ yếu làm việc với phần cứng máy tính.

b) Kỹ sư IoT chỉ làm việc với các thiết bị điện tử cá nhân.

c) Kỹ sư trí tuệ nhân tạo (AI) có thể làm việc trong các lĩnh vực ngoài công nghệ thông tin.

d) Nhà phát triển trang web chịu trách nhiệm kiểm tra và khắc phục các vấn đề về hiệu suất của trang web.

a) Sai: Kỹ sư điện toán đám mây làm việc với cơ sở hạ tầng đám mây, không chỉ tập trung vào phần cứng máy tính mà còn quản lý các dịch vụ dựa trên đám mây.

b) Sai: Kỹ sư IoT làm việc với các hệ thống và thiết bị kết nối qua mạng, không giới hạn ở các thiết bị điện tử cá nhân.

c) Đúng: Kỹ sư trí tuệ nhân tạo (AI) có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như y tế, tài chính, sản xuất, ngoài công nghệ thông tin.

d) Đúng: Nhà phát triển trang web có trách nhiệm đảm bảo hiệu suất và trải nghiệm người dùng trên trang web, bao gồm cả việc khắc phục các sự cố về hiệu suất.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

Câu 1: Kiểm thử viên có vai trò gì trong ngành công nghiệp phần mềm?

Đáp án: Kiểm thử viên thực hiện các thử nghiệm phần mềm để xác nhận rằng phần mềm đáp ứng đúng yêu cầu thiết kế, xây dựng và vận hành.

Giải thích: Họ chạy thử phần mềm với các dữ liệu và phương án khác nhau để tìm ra lỗi và báo cáo cho nhóm phát triển để khắc phục.

Câu 2: Chuyển đổi số là gì và có liên quan đến những lĩnh vực nào?

Đáp án: Chuyển đổi số là quá trình áp dụng công nghệ số để thay thế các quy trình thủ công hoặc công nghệ lỗi thời, tạo ra quy trình và sản phẩm/dịch vụ mới.

Giải thích: Nó liên quan đến các cấp độ quốc gia (chính phủ điện tử, kinh tế số, xã hội số) và cấp độ doanh nghiệp (thay đổi mô hình kinh doanh, cách tương tác với khách hàng).

Câu 3: Các chuyên viên thiết kế đồ họa cần có những kỹ năng và kiến thức gì?

Đáp án: Chuyên viên thiết kế đồ họa cần có kiến thức và kỹ năng về các phần mềm thiết kế đồ họa như Photoshop, Illustrator, và khả năng hội họa, chụp ảnh.

Giải thích: Họ sử dụng phần mềm máy tính để kết hợp hình vẽ, hình ảnh, chữ viết nhằm tạo ra các ấn phẩm hoặc trang web với tính thẩm mỹ và hấp dẫn.